

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2026/DSST.

Ngày: 17-7-2026.

V/v: “*Kiến nghị chấp
hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Minh.

2. Ông Nguyễn Văn Thúc.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quang Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2026 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân khu vực 8 mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 140/2025/TLST-DS ngày 03/11/2025, về việc “*Kiến nghị chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2026/QĐST-DS ngày 01/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2026/QĐST-DS ngày 29/6/2026 giữa:

Nguyên đơn: Ông Hồ Trung H, sinh năm 1972.

Số CCCD/CMND: 001072029763.

Địa chỉ: Số 212/21/10 Nguyễn Thiện Th, khu phố 5, phường Bàn C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Hải: Ông Huỳnh Nhật Q theo văn bản uỷ quyền ngày 04/10/2024. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp Hiệp Ph, xã Dầu T, TP Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1985. Có mặt.

Số CCCD/CMND: 040185021095.

Địa chỉ: Thôn K 5, xã Krông B, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng: Anh Lê Văn S, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Số 249/6 Vườn L, phường Phú Thọ H, TP Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết nên ngày 21/8/2023 ông H cho bà D vay 200.000.000 đồng, hình thức vay tiền là ông H chuyển tiền qua số tài khoản cá nhân của bà D, thời hạn vay là 02 tháng. Đến hạn ông H đòi nợ nhiều lần thì bà D trả cho ông H 103.000.000 đồng, số tiền bà D còn nợ lại ông H 97.000.000 đồng cho đến nay bà D vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ngoài số tiền trên từ tháng 5/2023 đến tháng 01/2024 ông H nhiều lần chuyển khoản cho bà D vay số tiền 29.500.000 đồng.

Tổng cộng hiện bà D còn nợ ông H 126.500.000 đồng, nay ông H yêu cầu bà D phải có nghĩa vụ trả cho ông H toàn bộ số tiền còn nợ là 126.500.000 đồng.

Về lãi suất: Ông H không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Bà D và ông H là chỗ quen biết nhau, ngày 21/8/2023 bà D vay của ông H số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này do ông H chuyển khoản qua cho bà D. Sau khi vay, bà D đã trả tiền mặt cho ông H 103.000.000 đồng, số tiền nợ lại ông H 97.000.000 đồng đã chuyển nợ cho người khác (đã chuyển cho ông S), nên hiện bà D không còn nợ ông H.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông H, yêu cầu bà D trả số tiền 29.500.000 đồng. Bà D thừa nhận từ tháng 5/2023 đến tháng 01/2024 ông H chuyển khoản cho bà D nhiều lần, nhưng số tiền chuyển khoản này ông H chuyển khoản cho bà D là để trả các khoản tiền do ông H ăn nhập, tiền mừng các ngày lễ và sinh nhật bà D không phải tiền bà D vay ông H.

Đối với số nợ 200.000.000 đồng bà D đã trả 103.000.000 đồng, số tiền 97.000.000 đồng còn lại đã chuyển nợ cho ông S, nên bà D không còn nợ ông H số tiền này.

Đối với số tiền 29.500.000 đồng ông H chuyển cho bà D là để trả các khoản tiền do ông H ăn nhập, tiền mừng các ngày lễ và sinh nhật bà D không phải tiền bà D vay ông H, nên bà D không đồng ý trả số tiền này.

Việc ông H khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền 126.500.000 đồng, bà D không đồng ý.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa thể hiện việc ông H khởi kiện yêu cầu bà D trả cho ông H 97.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với số tiền 29.500.000 đồng ông H cho rằng bà D vay, nhưng bà D không thừa nhận vay ông H số tiền này, nên yêu cầu này của ông H không được chấp nhận. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 97.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc ông Hồ Trung H khởi kiện bà Trần Thị D tại Tòa án và Tòa án thụ lý giải quyết về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Ngày 21/8/2023 ông H cho bà D vay 200.000.000 đồng, hình thức vay tiền là ông H chuyển tiền qua số tài khoản cá nhân của bà D, thời hạn vay là 02 tháng. Đến hạn ông H đòi nợ nhiều lần thì bà D trả cho ông H 103.000.000 đồng. Số tiền bà D còn nợ lại ông H 97.000.000 đồng cho đến nay bà D vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ngoài số tiền trên từ tháng 5/2023 đến tháng 01/2024 ông H nhiều lần chuyển khoản cho bà D vay số tiền 29.500.000 đồng..

Tổng cộng bà D còn nợ ông H 126.500.000 đồng, nay ông H yêu cầu bà D phải có nghĩa vụ trả cho ông H toàn bộ số tiền còn nợ là 126.500.000 đồng.

Bà D thừa nhận ngày 21/8/2023 bà D vay của ông Hải số tiền 200.000.000 đồng, bà D đã trả cho ông H 103.000.000 đồng, số tiền nợ lại ông H 97.000.000 đồng đã chuyển nợ cho người khác (đã chuyển cho ông S), nên hiện bà D không còn nợ ông H khoản tiền này.

Đối với số tiền 29.500.000 đồng, bà D thừa nhận từ tháng 5/2023 đến tháng 01/2024 ông H chuyển khoản cho bà D nhiều lần, nhưng số tiền chuyển khoản này ông H chuyển khoản cho bà D là để trả các khoản tiền do ông H ăn nhậu, tiền mừng các ngày lễ và sinh nhật bà D không phải tiền bà D vay ông H

Việc ông H khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền 126.500.000 đồng, bà D không đồng ý.

2.1. Căn cứ vào các bản sao kê chuyển khoản do ông H cung cấp và trong quá trình giải quyết vụ án bà D thừa nhận có vay tiền và ông H nhiều lần chuyển khoản cho bà D. Bà D cho rằng đối với số tiền 97.000.000 đồng đã chuyển nợ cho người khác và số tiền 29.500.000 đồng ông H chuyển khoản cho bà D là để trả các khoản tiền do ông H ăn nhậu, tiền mừng các ngày lễ và sinh nhật bà D không phải tiền bà D vay ông H, nhưng bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Mặt khác, tại các bản sao kê nội dung chuyển tiền, không có nội dung nào thể hiện ông H cho bà D số tiền này, nên yêu cầu phản đối của bà D không được chấp nhận.

Tại phiên toà anh S khai, do bạn anh S nợ tiền chị D không có khả năng trả cho chị D, nên anh S đứng ra trả nợ giúp bạn. Anh S có chuyển tiền cho chị D còn việc chị D có chuyển trả cho anh H hay không anh S không biết, tại phiên toà anh S không có tài liệu chứng cứ nào nhận trả nợ thay cho chị D đối với khoản tiền chị D nợ anh H.

2.2, Như vậy, căn cứ vào các bản sao kê do ông H cung cấp và bà D thừa nhận ông H có chuyển khoản cho bà D, có đủ căn cứ khẳng định, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, các bên đã xác lập “Hợp đồng vay tài sản” về điều kiện, mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hạn trả nợ bà D mới trả cho ông H 103.000.000 đồng, hiện bà D còn nợ ông H 126.500.000 đồng, nhưng bà D không thực hiện đúng cam kết là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3]. Về lãi suất: Ông H không yêu cầu tính lãi suất, nên không đề cập xem xét.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông H được chấp nhận, nên bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Trung H.

1. *Về khoản nợ:* Buộc bà Trần Thị D trả cho ông Hồ Trung H 126.500.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. *Về lãi suất:* Ông H không yêu cầu tính lãi suất, nên không đề cập xem xét..

3. *Về án phí:* Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị D phải chịu 6.325.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho ông Hồ Trung H 3.162.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số 0003796 ngày 31/10/2025 và biên lai số 0003106 ngày 25/3/2026.

4. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản bản trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 36, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2026.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đã ký

Nguyễn Huy Vũ